TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ M** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/ 2024/ HNGĐ-ST.
Ngày: 30/01/2024
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M - TỈNH H
Với Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tân Huyền
- Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Phan Xuân Hùng
  2- Ông Nguyễn Xuân Khải
- Thư ký phiên toà: Ông Lê Mạnh Hùng – Thư ký Toà án nhân dân thị xã M
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã M, tỉnh H kiểm sát tham gia phiên toà: Bà Đặng Hiền Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân Thị xã M, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ L số: 43/2023/ TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc "ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 01/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 và quyết định hoãn phiên toà số : 01/2024/QĐST – HNGĐ ngày 18/01/2024 giữa :

Nguyên đơn: Anh C, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 703 đường Ng, tổ dân phố Ph, phường B, thị xã M, tỉnh H.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Hồng Nh, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 703 đường Ng, tổ dân phố Ph, phường B, thị xã M, tỉnh H.

Người làm chứng :

1- Cháu Bùi Thuỳ D, sinh năm 2002 (Vắng mặt)
2- Cháu Bùi Phương M – Sinh ngày 09/11/2005 (Vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Số 703 đường Ng, tổ dân phố Ph, phường B, thị xã M, tỉnh H.

3- Ông Phạm Hữu Th, sinh năm 1950(vắng mặt)

Địa chỉ : Tổ dân phố Ng, phường B, thị xã M, tỉnh H

4- Bà Phạm Thị L, sinh năm 1954(vắng mặt)

Địa chỉ : Tổ dân phố Đọ, phường B, thị xã M, tỉnh H

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 7 năm 2023 của anh C và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày như sau:

Anh và chị Phạm Thị Hồng Nh có đăng ký kết hôn tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện M (nay là phường B, thị xã), tỉnh H vào ngày 03/12/2001. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng trong cuộc sống, sự khác biệt về quan điểm sống, cách sinh hoạt, ứng xử dẫn đến cuộc sống luôn trong sự ngột ngạt, căng thẳng và mệt mỏi mà thiếu sự quan tâm, chia sẻ và cảm thông. Chị Nh là người vợ sống ích kỷ, thiếu tôn trọng chồng và gia đình nhà chồng, thường xuyên là người soi mói, trì chiết, là người con dâu thiếu trách nhiệm với bố mẹ chồng. Nhiều lần vợ chồng đã nói chuyện để tìm mâu thuẫn cùng nhau khắc phục nhưng chị Nh không thay đổi nên cuộc sống vợ chồng ngày càng có khoảng cách, mâu thuẫn không thể có tiếng nói chung. Năm 2020 và năm 2021 chị Nh đã làm đơn xin ly hôn nhưng anh không ký hoặc cũng có những lần anh muốn ly hôn nhưng thương các con, sợ ảnh hưởng đến tâm lý của chúng, mặt khác vợ chồng anh đều là những người có những vị trí nhất định trong xã hội, nhiều lúc vì con, vì công việc, vì lo gia đình hai bên bị ảnh hưởng mà vợ chồng kéo dài cuộc hôn nhân không có hạnh phúc. Anh chị sống cùng nhau nhưng không quan tâm, chia sẻ mà đơn thuần chỉ là trách nhiệm với nhau. Nay anh xác định kéo dài cuộc hôn nhân càng làm cho anh và chị Nh luôn sống trong tâm trạng căng thẳng và mệt mỏi nên anh chị đã tự ly thân và sống riêng. Quá trình ly thân vợ chồng không giao tiếp và không chia sẻ, quan tâm đến nhau. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng vợ chồng không thể chung sống nên anh khởi kiện ly hôn chị Nh.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng Nh trình bày: Chị và anh C có đăng ký kết hôn tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện M (nay là phường B, thị xã), tỉnh H vào ngày 03/12/2001. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến khoảng 2 năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống. Anh C là người chồng gia trưởng, là người dành nhiều thời gian cho công việc mà ít có thời gian cho gia đình nên có những khoảng thời gian vợ chồng không chia sẻ, tâm sự với nhau, có những công việc trong gia đình chị muốn bàn bạc với chồng nhưng anh không có nhà nên chị phải nhắn tin hỏi ý kiến anh, có việc anh nhắn lại, có việc anh không trả lời tin nhắn. Gia đình anh có công việc gì cần tới sự giúp đỡ của anh thì hầu như không bao giờ anh bàn với chị mà tự làm, tự quyết định, sau đó nói với chị thì sự việc đã xong hoặc anh đang làm, nên chị cảm thấy anh không tôn trọng chị và vợ chồng thiếu sự thống nhất. Chị phản ứng thì anh cho rằng chị sống ích kỷ. Trong cuộc sống anh C không chia sẻ với chị về công việc hay về các vấn đề khác trong cuộc sống cho nên có những việc chị chỉ biết thông tin về anh qua những

người thân khác. Chị là người sống hết lòng cho gia đình, đối xử đúng mực với gia đình chồng. Chị xác định có những lúc vợ chồng không tâm sự, chia sẻ nên không khí gia đình rất căng thẳng và mệt mỏi nguyên nhân là anh C không có thời gian dành cho gia đình. Hiện tại vợ chồng đã tự ly thân, anh C sống tại nơi khác. Quá trình ly thân vợ chồng chỉ liên lạc đến con chung, Ngài ra vợ chồng không quan tâm, chia sẻ. Nay chị xác định vẫn còn tình cảm với anh C nên chị không nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Anh C và chị Nh trình bày: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Bùi Thuỳ D, sinh năm 2002 và cháu Bùi Phương M – Sinh ngày 09/11/2005. Hiện tại cháu D và cháu M đều đã Th niên và không có nhược điểm về thể chất, tâm thần. Hiện nay 02 cháu đều đang đi du học tại đại học Macquarie – Sydney – Australia từ tháng 11 năm 2023. Anh chị đều tự nguyện không yêu cầu giải quyết về con chung. Hiện tại chị Nh không có thai.

- Về tài sản, vay nợ, công sức: Anh C và chị Nh đều xác định tự nguyện không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người làm chứng: Ông Phạm Hữu Th trình bày: Vợ chồng anh C chị Nh chung sống chỉ có những mâu thuẫn nhỏ nhặt hàng ngày. Khi anh C nộp đơn khởi kiện ly hôn chị Nh thì anh C có đến thưa chuyện với ông, ông khuyên bảo mong muốn vợ chồng anh chị đoàn tụ nhưng nếu anh C kiên quyết ly hôn chị Nh đó là quyền quyết định của anh chị.

Người làm chứng :Bà Phạm Thị L trình bày : Vợ chồng anh C chị Nh sống cùng bà một thời gian ngắn. Bà xác định anh chị mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, chị Nh là người phụ nữ khó tính. Khi anh C làm đơn khởi kiện ly hôn chị Nh thì anh C cũng thưa chuyện với bà và bà cũng khuyên bảo mong anh chị đoàn tụ vì các con nhưng nếu anh C kiên quyết ly hôn thì đó là quyền quyết định của anh chị.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không hòa giải được do chị Nh vắng mặt. Vì vậy, phải đưa vụ án ra xét xử.

Ngày 18/01/2024 Toà án mở phiên toà anh C vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Nh vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã phải hoãn phiên toà.

Tại phiên toà hôm nay:

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Toà án thụ L vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tiến hành mở phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật

tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử độc lập, Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung*: Viện kiểm sát nhân dân thị xã M đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C, xử cho anh C được ly hôn chị Nh.

Các vấn đề khác: Con chung, tài sản, vay nợ, công sức: Anh chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết.

Về án phí: Anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh C và chị Phạm Thị Hồng Nh đăng ký kết hôn tự nguyện, hợp pháp vào ngày 03/12/2001 tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện M (Nay là phường B, thị xã M) và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại quyển 01/2001; số 28/2001 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh C khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với chị Nh đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chị Phạm Thị Hồng Nh có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 703 đường Ng, tổ dân phố Ph, phường B, thị xã M, tỉnh H nên thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân thị xã M, tỉnh H theo điểm a khoản 1 Điều 35 ; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, vắng mặt nguyên đơn anh C và bị đơn chị Phạm Thị Hồng Nh nhưng anh C và chị Nh đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy Toà án xét xử vắng mặt anh C và chị Nh là phù hợp quy định tại điểm khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy rằng, lời trình bầy của anh C và chị Nh, cũng như lời khai của những người làm chứng là ông Th và bà L trong quá trình giải quyết vụ án đã thể hiện, trong quá trình chung sống vợ chồng anh C và chị Nh đã phát sinh mâu thuẫn. Anh chị bất đồng quan điểm về cách sống, quan niệm sống, cách xử sự dẫn đến thiếu sự quan tâm, chia sẻ, tình cảm của anh chị dành cho nhau ngày một ít đi vì cuộc sống có khoảng cách vô hình, khó hoá giải và hàn gắn. Vì đặc thù công việc hoặc cũng có thể do vợ chồng đã có sự bất đồng khó hoà hợp mà anh chị đã chọn cho mình cách sống khép kín ít chia sẻ với nhau về công việc, về cuộc sống. Bản thân chị Nh cũng thừa nhận anh chị

có những khoảng thời gian chia sẻ công việc gia đình bằng những dòng tin nhắn. Anh C xác định cũng có những lần anh chị đều có dự định muốn ly hôn nhưng vì các con, vì gia đình hai bên, vì công việc mà anh chị chưa thể ly hôn. Như vậy cuộc hôn nhân của anh chị đã có mâu thuẫn, anh chị đều là những người trí thức, có những công việc và vị trí nhất định trong xã hội, mâu thuẫn của anh chị không thể là đánh cãi nhau nhưng là những khoảng trống trong nhau không thể hàn gắn và khoả lấp được, vì vậy anh chị sống trong cuộc hôn nhân mà cả hai đều phải cố gắng sống vì người khác mà không phải là vì chính tình cảm yêu thương gắn bó với nhau. Mâu thuẫn của anh chị hơn ai hết chính bản thân anh chị là người biết và cũng chỉ có anh chị mới là người tháo gỡ những mâu thuẫn đó, Toà án đã tổ chức 02 phiên hoà giải để mong muốn anh chị hàn gắn tình cảm nhưng 02 lần hoà giải chỉ có anh C có mặt còn chị Nh đều vắng mặt. Anh C khởi kiện ly hôn, chị Nh mặc dù không nhất trí nhưng Toà án đã kéo dài thời hạn chuẩn bị xét xử đã 6 tháng nhưng anh chị không có giải pháp nào tháo gỡ những mâu thuẫn, bất đồng của vợ chồng, phản ánh thực trạng hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định có căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của anh C để giải quyết cho anh C và chị Nh ly hôn.

[3].Về con chung: Anh C và chị Nh có 02 con chung là cháu Bùi Thuỳ D, sinh năm 2002 và cháu Bùi Phương M – Sinh ngày 09/11/2005. Hiện tại cháu D và cháu M đều đã Th niên và không có nhược điểm về thể chất, tâm thần. Hiện nay 02 cháu đều đang đi du học tại đại học Macquarie – Sydney – Australia từ tháng 11 năm 2023. Anh chị đều tự nguyện không yêu cầu Toà án giải quyết nuôi dưỡng, cấp dưỡng về con chung nên không đặt ra để giải quyết.

[4].Về tài sản, vay nợ, công sức: Anh C và chị Nh đều tự nguyện không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5].Về án phí : Anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: - Điều 51; Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C, xử anh C và chị Phạm Thị Hồng Nh ly hôn.

- Về con chung, tài sản, vay nợ, công sức: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh C phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0013318 ngày 04/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M. Anh C đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

- Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Phòng KTGĐ - TAND tỉnh H
- VKSND Thị xã M;
- Chi cục T.H.A DS Thị xã M;
- Các đương sự.
- UBND phường B
- Lưu HS vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tân Huyền